

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH TRONG DẠY HỌC MÔN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TRẦN THỊ PHƯƠNG THU*

1. Giáo dục đại học (ĐH) ở Việt Nam đang đổi mới toàn diện cả chiều rộng và chiều sâu, khẩu hiệu được đưa ra làm kim chỉ nam cho hoạt động dạy học là phải lấy học sinh làm yếu tố trung tâm của cả quá trình. Trường ĐH ngoại ngữ - ĐH quốc gia Hà Nội cũng không thể nằm ngoài sự chuyển động của thời cuộc, hơn nữa do đặc thù là truyền thụ ngoại ngữ nên các phương pháp giảng dạy càng cần đổi mới nhanh, phù hợp hơn với thực tiễn. Hiện nay, phương pháp thuyết trình môn học được áp dụng ở khá nhiều bộ môn trong toàn ĐH ngoại ngữ. Nhờ đó, sinh viên (SV) có cơ hội phát triển các khả năng tìm tòi sáng tạo, khả năng làm việc nhóm và khả năng tư duy phản biện. SV khá hào hứng với nhiệm vụ thuyết trình, nhưng khi bắt tay vào hầu hết SV đều cảm thấy khó khăn khi tiếp xúc, làm việc với kỹ năng (KN) mới này. Nguyên nhân chính là do thiếu những hiểu biết về kỹ năng thuyết trình (KNTT) cũng như những bước căn bản để xây dựng một bài thuyết trình hợp lý, logic. Bài viết giới thiệu về thực tế áp dụng KNTT của SV trong việc dạy, học môn *Môi trường và Phát triển* ở Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH quốc gia Hà Nội nhằm giúp SV thực hiện nhiệm vụ này tốt hơn.

Theo **Từ điển tiếng Việt** của Viện Ngôn ngữ học, thuyết trình là “*đứng ra trình bày một vấn đề trước đông người*” (1). Các định nghĩa khác đều thống nhất rằng: “thuyết trình” là hoạt động khi đó người nói bàn luận về một vấn đề hoặc trình bày, giới thiệu, giải thích, một ý kiến, quan điểm với một nhóm những người khác trong bối cảnh trang trọng. KNTT là khả năng sử dụng kết hợp kiến thức, thái độ, phương pháp, công cụ cần thiết vào quá trình truyền đạt và dẫn dắt thông tin nhằm làm cho nội dung thông tin có sức hấp dẫn hơn, thu hút được nhiều người nghe hơn. KNTT là KN mềm quan trọng, nhất là trong thời buổi hội nhập trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa thì KN này càng khẳng định rõ một phong cách học tập và làm việc chuyên nghiệp.

2. Ứng dụng thuyết trình trong dạy và học môn *Môi trường và Phát triển* ở Trường ĐH ngoại ngữ - ĐH quốc gia Hà Nội

Mỗi SV của Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội luôn ý thức rằng KNTT ngày nay trở nên vô cùng cần thiết. Nó chính là chìa khóa mở cánh cửa thành công của sự nghiệp trong tương lai. Từ nhận thức đó, các em luôn nỗ lực để có thể làm chủ được KN này. Tuy vậy, các bước lập đề cương, thu thập tài liệu, biên soạn nội dung, trình bày đề tài từ chủ đề cho đến kết luận, rồi giao lưu giải đáp thắc mắc SV còn nhiều lúng túng. Vì vậy, thông qua các môn học như *Môi trường và Phát triển*, các em đã có cơ hội làm quen, bắt tay thật sự tiến hành một bài thuyết trình giữa tập thể lớp để rèn luyện và phát huy năng lực của mình cả về vốn ngoại ngữ lẫn KNTT. Sách giáo trình đã giúp các em có một đề cương khái quát để các em có hướng tìm tài liệu một cách tập trung, từ đó có một bộ khung chắc chắn. Giảng viên (GV) thường yêu cầu các em trình bày theo một dàn ý chi tiết, có mở đầu, phần thân bài và phần kết luận mang tính tổng chốt để các em ghi nhớ sâu hơn. Sau khi đã có sự chuẩn bị đầy đủ từ nội dung thuyết trình cho đến máy móc thiết bị thì tâm lý khi trình bày vấn đề giữa đám đông cũng là một thử thách mà các em phải vượt qua khi trình bày.

Với bộ môn *Môi trường và Phát triển* là một môn học hoàn toàn bằng ngoại ngữ, nhưng nội dung lại mang nặng tính lý thuyết, vì vậy thuyết trình bằng trình chiếu PowerPoint rất đặc dụng trong việc truyền tải kiến thức cho SV nhưng vẫn tạo không khí giao lưu cần thiết của một môn ngoại ngữ. GV có thể giao cho SV một phần bài học để SV chuẩn bị và trình bày trước lớp. Dựa trên giáo trình và vốn hiểu biết, SV có một tuần chuẩn bị cho một giờ thuyết trình 30 phút. SV có thể khai thác tài liệu từ các giáo trình học tiếng và từ internet. Với đặc điểm một bộ môn rất gần với

* Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội

cuộc sống nên SV dễ dàng tìm thêm được các đoạn video, tranh ảnh để minh họa thêm cho buổi thuyết trình. Không khí trên lớp sẽ rất sôi nổi và náo nhiệt, người ở trên trình bày, người ngồi dưới phản biện và hoàn toàn sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, thực hiện đồng thời hai quá trình tiếp thu tri thức và rèn luyện KN ngoại ngữ.

Về hạn chế của SV khi thuyết trình là thường do một số SV KNTT chưa cao, chỉ chú trọng vào phần nội dung và sử dụng các công cụ để trình bày mà không chú ý đến yếu tố tác phong đó là trang phục, cử chỉ, điệu bộ, giọng nói... Sự đường hoàng, đĩnh đạc bước lên diễn đàn không phải SV nào cũng làm được, nhiều bạn còn chưa biết cách vượt qua tâm lí e ngại khi phải trình bày trước đám đông. Rất hiếm có SV biết khai thác *ngôn ngữ hình thể*, diễn đạt tự tin mà hầu hết SV còn mang thái độ khá rụt rè. Phần quan trọng nhất là giao tiếp bằng ánh mắt với khán giả thì rất hạn chế, bắt gặp nhiều nhất là nhìn vào giấy trên tay, nhìn vào màn hình, hay nhìn ra cửa sổ... có lúc nhìn xuống khán phòng nhưng cũng chỉ nhìn phớt phía trên chứ không nhìn vào mắt khán giả. Giọng nói, vẻ mặt chưa được luyện tập, trau chuốt vì hầu như không phải thuyết mà là đọc hoặc nói thuộc lòng một cách đều đều, còn khi quên thì ấp úng, ngập ngừng. Nét mặt ít biểu lộ được sự tươi vui, hăng hái, tự tin; thay vào đó là sự căng thẳng, hồi hộp, âu lo. Đôi tay thì một tay cầm micro, một tay không biết phải làm gì nên thường cầm theo tờ giấy vừa để đỡ thừa thãi vừa có cái để nhìn và đọc. Nếu người nghe đặt câu hỏi thì lúng túng và giở sách, tra tài liệu chứ chưa có KN trả lời trực tiếp.

Phần nội dung thì một số SV lại sao chép y nguyên tài liệu tìm được từ trên mạng, từ sách tham khảo mà không biết sàng lọc dẫn đến nội dung không có tính chặt chẽ, logic và tản mạn. Vì vậy, trong một kì học một SV sẽ có cơ hội được lên thuyết trình hai lần, và thực tế cho thấy lần sau các bạn thể hiện xuất sắc hơn hẳn lần trước, tự tin chững chạc và đã có khả năng làm chủ các tình huống sẽ phát sinh, giao lưu với khán giả và tạo không khí sôi nổi hào hứng trong buổi thuyết trình.

Bên cạnh đó, yếu tố ngoại cảnh cũng ảnh hưởng đến KN thuyết trình, đặc biệt là hành vi của khán giả. Thực tế khi có bạn thuyết trình ở trên, thì ở dưới, bên cạnh những bạn tích cực tập trung lắng nghe, vẫn còn một số không tập trung, hoặc nói chuyện riêng, nhắn tin điện thoại v.v... Nếu như người thuyết trình cầm giấy đọc theo kiểu đọc thoại thì tình trạng này ngày càng phổ biến hơn. Vì vậy, KN tạo ra một không khí

hào hứng sôi nổi khá quan trọng, đó là diễn giả có thể đặt câu hỏi hoặc câu đố cho người nghe, có thể trả lời ngay lúc đó hoặc để đến cuối buổi, cách này sẽ tạo hứng thú hơn và khiến không khí cạnh tranh trong lớp mãnh liệt hơn.

3. Công cụ trình chiếu và các yếu tố ngoại tác

1) Phần mềm PowerPoint

Phần mềm PowerPoint thật đặc dụng, nhưng không phải SV nào cũng biết khai thác hiệu quả hoặc ngược lại quá lạm dụng. Các lỗi mắc phải nhiều nhất là chữ quá nhỏ hoặc chữ quá nhiều, lạm dụng các hiệu ứng, lạm dụng các hình ảnh, thiếu phương án dự phòng. Chữ quá nhỏ hoặc chữ quá nhiều khiến người đọc vừa khó đọc vừa không biết nên đọc màn hình hay nghe thuyết trình. Người thuyết trình mãi đọc chữ trên màn hình nên không thể giao tiếp ánh mắt với khán thính giả. Hay có SV quá lạm dụng hiệu ứng âm thanh, hình ảnh khiến người xem bị phân tán theo dõi. Khi tập tin trình chiếu bị hỏng hoặc máy chiếu có vấn đề thì không có phương án dự phòng nên hầu như không thể khắc phục, phải hoãn thuyết trình.

2) Yếu tố không gian, thời gian

Không gian và thời gian thuyết trình đối với SV thì gần như đây là yếu tố khách quan vì địa điểm và thời gian do nhà trường và GV ấn định. Ở trường ĐH thường gặp nhất là sử dụng phòng học bố trí bàn ghế theo kiểu lớp học, SV ít khi sắp xếp lại nên sự giao tiếp giữa diễn giả với khán thính giả chưa thuận tiện. Điều kiện máy móc, thiết bị nghe nhìn hoàn toàn lệ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, nên nhiều lúc SV còn bị động.

3) Yếu tố khán thính giả

Khán thính giả gây phiền: những hình ảnh thường gặp nhất ở khán thính giả, đặc biệt ở những dãy bàn cuối, là hay nói chuyện bất chấp người diễn thuyết, không tắt chuông điện thoại. Một số SV đi muộn, ra vào tự do cũng gây ảnh hưởng sự tập trung của người khác.

4) Cách khắc phục những yếu tố bất lợi cho một buổi thuyết trình

Từ phía GV, cần bàn giao công việc thật cụ thể và nêu rõ yêu cầu mà SV sẽ phải làm được trong giờ thuyết trình cả về nội dung lẫn hình thức. Yêu cầu các bạn SV khác chuẩn bị sẵn các câu hỏi phản biện. Từ phía người thuyết trình ngoại việc chuẩn bị đầy đủ nội dung bài, còn quan tâm đến hình thức ăn mặc, đầu tóc cho phù hợp. Kiểm tra yếu tố thiết bị kĩ thuật trước khi tiến hành bài thuyết trình và có chuẩn bị các phương án dự phòng. Từ phía khán giả nên chú ý đến lớp

(Xem tiếp trang 59)

luận các câu hỏi để tìm ra nguyên nhân dẫn đến kết quả thí nghiệm thu được.

Thực tế khi tổ chức cho HS thực hiện BT này cho thấy, các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thí nghiệm không thành công bao gồm: - Pha dung dịch dinh dưỡng NPK quá đậm đặc gây ngộ độc cho cây non; - Lượng tưới, số lần tưới dung dịch dinh dưỡng quá nhiều; - Tưới dung dịch dinh dưỡng ngay từ khi gieo hạt gây ngộ độc cho hạt trong quá trình nảy mầm (yêu cầu của BT là tiến hành thí nghiệm để kiểm chứng vai trò của phân bón NPK đối với sự sinh trưởng của *cây ngô non* nhưng giả thiết BT chỉ cho *hạt ngô*, do đó HS thường bố trí thí nghiệm từ khi gieo hạt ngô mà không thực hiện bước gieo các hạt ngô cho nảy mầm sau đó mới chọn các cây ngô non có kích thước như nhau để tiến hành thí nghiệm và đối chứng). Đây là lỗi mà HS gặp phổ biến trong quá trình thực hiện BT trên.

Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân trên, GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận các câu hỏi gợi ý sau: + Nếu dung dịch dinh dưỡng NPK quá đậm đặc sẽ có tác động như thế nào đến sự sinh trưởng của cây ngô non?; + Lượng tưới và số lần tưới dung dịch dinh dưỡng ảnh hưởng như thế nào đến sự sinh trưởng của cây ngô non?; + Quá trình hạt nảy mầm của hạt có cần chất dinh dưỡng từ đất không? Nếu ta tưới dung dịch dinh dưỡng ngay từ khi mới gieo hạt thì có ảnh hưởng gì không?; + Hãy kiểm tra lại trong phương án thí nghiệm mà nhóm đã đề xuất và tiến hành xem có điều gì cần điều chỉnh, hướng điều chỉnh nên như thế nào?

Thông qua quá trình trao đổi, thảo luận các nhóm sẽ hoàn thiện các yêu cầu của BTTN, đồng thời củng cố cho HS việc thiết lập mối quan hệ nguyên nhân - kết quả trong quá trình phân tích thực nghiệm.

3) Đánh giá hiệu quả sử dụng BTTN

Đánh giá việc sử dụng 2 BTTN có hiệu quả như thế nào trong việc nâng cao chất lượng kiến thức, rèn luyện kĩ năng, góp phần phát triển năng lực thực nghiệm cho HS. Phương pháp sử dụng BT có phát huy được tính chủ động, tích cực của người học và có phù hợp với thực tiễn DH không. Từ đó, có cần điều chỉnh gì về nội dung bài tập; phương pháp sử dụng BT để đạt hiệu quả cao hơn? □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Đức Duy. “Rèn kĩ năng tư duy cho học sinh thông qua bài tập thực hành thí nghiệm sinh học”. *Tạp chí Giáo dục*, số 294/ 2012.
2. Cao Cự Giác. *Phát triển tư duy và rèn luyện kiến*

thức kĩ năng thực hành hóa học cho học sinh trung học phổ thông qua các bài tập hóa học thực nghiệm. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội. 2007.

3. Lê Đình Trung. “Xây dựng và sử dụng bài tập toán sinh học vào dạy học sinh học ở trường trung học phổ thông”. *Tạp chí Giáo dục*, số 281/2012.

SUMMARY

The author analyzes the process of using experimental exercises in teaching biology at secondary schools. Making use of the procedures used in teaching process contributes to improving the quality of the teaching process in general and teaching biology in particular.

Áp dụng phương pháp thuyết trình...

(Tiếp theo trang 61)

đúng giờ, tập trung lắng nghe đưa câu hỏi phản biện, trao đổi để bài thuyết trình đạt hiệu quả cao nhất.

Như vậy, KNTT là một trong những chìa khóa giúp chúng ta thành công cho dù trong môi trường học tập hay làm việc. Đặc biệt đối với SV ngành ngoại ngữ sẽ phải làm việc trong môi trường đa văn hóa thì KN này càng quan trọng. Nó sẽ giúp các bạn mở cánh cửa thành công và thành đạt trong cuộc sống và sự nghiệp. □

- (1) Viện Ngôn ngữ học. *Từ điển tiếng Việt*. NXB Từ điển bách khoa, H. 2007.

Tài liệu tham khảo

1. Tim Hindle. *Kĩ năng thuyết trình*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006.
2. Lí Bình Thu. *Kĩ năng diễn thuyết*. NXB Thanh niên, H. 2013.
3. Carol A. Fleming. *Cải thiện ngôn ngữ và phong cách nói*. NXB Thanh Hóa, 2014.

SUMMARY

Presentation is being widely applied in many subjects including “Environment and Development” subject at University of Languages and International Studies - Vietnam National University. The successful implementation of this teaching technique in teaching this subject has fostered students' creativity and sharpened their team work skills and critical thinking ability.